

PHỤ LỤC I  
BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH  
THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2025  
(Kèm theo Công văn số: 767/ĐHK&QTKD-ĐT ngày 29/05/2026)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		<b>456</b>	<b>200</b>	<b>43.85</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		<b>26</b>	<b>32</b>	<b>123.07</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>		<b>26</b>	<b>32</b>	<b>123.07</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>33.33</b>
1.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	3	1	33.33
<b>1.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>	<b>13</b>	<b>10</b>	<b>76.92</b>
1.1.2.1	Quản lý kinh tế	9310110	13	10	76.92
<b>1.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>210</b>
1.1.3.1	Quản trị kinh doanh	9340101	10	21	210
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>0</b>		
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		<b>430</b>	<b>168</b>	<b>39.06</b>
<b>2.1</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>		<b>430</b>	<b>168</b>	<b>39.06</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>862</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	10	0	0
<b>2.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>	<b>240</b>	<b>122</b>	<b>50.83</b>
2.1.2.1	Kinh tế phát triển	8310105	20	0	0
2.1.2.2	Quản lý kinh tế	8310110	220	122	55.45
<b>2.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>	<b>180</b>	<b>46</b>	<b>25.55</b>
2.1.3.1	Quản trị kinh doanh	8340101	150	28	18.66
2.1.3.2	Kế toán	8340301	30	18	60
<b>2.2</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>0</b>		
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>		<b>5918</b>	<b>3175</b>	<b>53.64</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>3395</b>	<b>3003</b>	<b>88.45</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>		<b>3100</b>	<b>2879</b>	<b>92.87</b>
<b>3.1.1</b>	<b>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</b>		<b>0</b>		
<b>3.1.2</b>	<b>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</b>		<b>3100</b>	<b>2879</b>	<b>92.87</b>
<b>3.1.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>260</b>	<b>268</b>	<b>103.07</b>
3.1.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	260	268	103.07
<b>3.1.2.2</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>	<b>20</b>	<b>8</b>	<b>40</b>
3.1.2.2.1	Khoa học dữ liệu	7460108	20	8	40
<b>3.1.2.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>550</b>	<b>168</b>	<b>30.54</b>
3.1.2.3.1	Luật kinh tế	7380107	550	168	30.54
<b>3.1.2.4</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>180</b>	<b>189</b>	<b>105</b>
3.1.2.4.1	Kinh tế	7310101	100	121	121
3.1.2.4.2	Kinh tế đầu tư	7310104	50	44	88
3.1.2.4.3	Kinh tế phát triển	7310105	30	24	80
<b>3.1.2.5</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>1910</b>	<b>2055</b>	<b>107.59</b>
3.1.2.5.1	Quản trị kinh doanh	7340101	360	420	116.66
3.1.2.5.2	Marketing	7340115	330	373	113.03
3.1.2.5.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	30	48	160
3.1.2.5.4	Thương mại điện tử	7340122	100	110	110
3.1.2.5.5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	220	236	107.27
3.1.2.5.6	Kế toán	7340301	600	449	74.83
3.1.2.5.7	Quản lý công	7340403	20	8	40
3.1.2.5.8	Quản trị nhân lực	7340404	250	411	164.4

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
<b>3.1.2.6</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>180</b>	<b>191</b>	<b>106.11</b>
3.1.2.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	180	191	106.11
<b>3.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>		<b>75</b>	<b>16</b>	<b>21.33</b>
<b>3.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	0	0
<b>3.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	20	0	0
<b>3.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.3.1	Kinh tế	7310101	0	0	0
<b>3.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>55</b>	<b>16</b>	<b>29.09</b>
3.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	15	6	40
3.2.4.2	Marketing	7340115	0	0	0
3.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	0	0
3.2.4.4	Kế toán	7340301	40	10	25
3.2.4.5	Quản lý công	7340403	0	0	0
<b>3.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	0	0
<b>3.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>		<b>90</b>	<b>80</b>	<b>88.88</b>
<b>3.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	0	0
<b>3.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	30	0	0
<b>3.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.3.1	Kinh tế	7310101	0	0	0
<b>3.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>60</b>	<b>80</b>	<b>133.33</b>
3.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	20	30	150
3.3.4.2	Marketing	7340115	0	0	0
3.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	0	0
3.3.4.4	Kế toán	7340301	40	50	125
3.3.4.5	Quản lý công	7340403	0	0	0
<b>3.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	0	0
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		<b>130</b>	<b>28</b>	<b>21.53</b>
<b>3.4.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	0	0
<b>3.4.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>60</b>	<b>2</b>	<b>3.33</b>
3.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	60	2	3.33
<b>3.4.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.3.1	Kinh tế	7310101	0	0	0
<b>3.4.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>70</b>	<b>26</b>	<b>37.14</b>
3.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	20	11	55
3.4.4.2	Marketing	7340115	0	0	0
3.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	10	0	0
3.4.4.4	Kế toán	7340301	40	15	37.5
3.4.4.5	Quản lý công	7340403	0	0	0
<b>3.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	0	0
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>0</b>		
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>523</b>	<b>15</b>	<b>2.86</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		<b>121</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
4.1.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	6	0	0
<b>4.1.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.2.1	Luật kinh tế	7380107	30	0	0
<b>4.1.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.3.1	Kinh tế	7310101	12	0	0
<b>4.1.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>61</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	10	0	0
4.1.4.2	Marketing	7340115	5	0	0
4.1.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	10	0	0
4.1.4.4	Kế toán	7340301	30	0	0
4.1.4.5	Quản lý công	7340403	6	0	0
<b>4.1.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	12	0	0
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>		<b>72</b>	<b>2</b>	<b>2.77</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	6	0	0
<b>4.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>20</b>	<b>2</b>	<b>10</b>
4.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	20	2	10
<b>4.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.3.1	Kinh tế	7310101	4	0	0
<b>4.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>37</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	10	0	0
4.2.4.2	Marketing	7340115	10	0	0
4.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	6	0	0
4.2.4.4	Kế toán	7340301	10	0	0
4.2.4.5	Quản lý công	7340403	1	0	0
<b>4.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	5	0	0
<b>4.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>		<b>81</b>	<b>1</b>	<b>1.23</b>
<b>4.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	6	0	0
<b>4.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>13</b>	<b>1</b>	<b>7.69</b>
4.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	13	1	7.69
<b>4.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.3.1	Kinh tế	7310101	3	0	0
<b>4.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	11	0	0
4.3.4.2	Marketing	7340115	9	0	0
4.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	7	0	0
4.3.4.4	Kế toán	7340301	26	0	0
4.3.4.5	Quản lý công	7340403	2	0	0
<b>4.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	4	0	0
<b>4.4</b>	<b>Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		<b>249</b>	<b>12</b>	<b>4.81</b>
<b>4.4.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	15	0	0
<b>4.4.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>66</b>	<b>12</b>	<b>18.18</b>
4.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	66	12	18.18
<b>4.4.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.4.3.1	Kinh tế	7310101	12	0	0
<b>4.4.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>144</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
4.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	30	0	0
4.4.4.2	Marketing	7340115	10	0	0
4.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	26	0	0
4.4.4.4	Kế toán	7340301	72	0	0
4.4.4.5	Quản lý công	7340403	6	0	0
<b>4.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	12	0	0
<b>5</b>	<b>Từ xa</b>		<b>2000</b>	<b>157</b>	<b>7.85</b>
<b>5.1</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>550</b>	<b>32</b>	<b>5.81</b>
5.1.1	Luật kinh tế	7380107	550	32	5.81
<b>5.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
5.2.1	Kinh tế	7310101	100	0	0
<b>5.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>1350</b>	<b>125</b>	<b>9.25</b>
5.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	350	30	8.57
5.3.2	Marketing	7340115	300	1	0.33
5.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	200	13	6.5
5.3.4	Kế toán	7340301	500	81	16.2

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG *Huy*



*Huy*

PGS.TS. Đinh Hồng Linh

**PHỤ LỤC II**  
**CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH SỐ QUANG TUYỂN SINH NĂM 2026**  
(Kèm theo Công văn số: 767/DHKT&QTKD-ĐT ngày 29/05/2026)

**I. Danh sách ngành đào tạo**

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	2867/QĐ-BGDĐT	22/05/2008	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2025	-	-	-
2	Quản trị kinh doanh	9340101	5577/QĐ-DHTN	24/11/2023	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2025	-	-	-
3	Quản lý kinh tế	9310110	5000/QĐ-BGDĐT	25/10/2013	740/QĐ-BGDĐT	09/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2025	832/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
4	Kinh tế nông nghiệp	8620115	617/QĐ-ĐTCH	27/09/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2021	-	-	-
5	Kế toán	8340301	2123/QĐ-DHTN	10/10/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2025	830/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
6	Tài chính - Ngân hàng	8340201	485/QĐ-DHTN	20/01/2026	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2026	2026	-	-	-
7	Quản trị kinh doanh	8340101	790/QĐ-DHTN	05/08/2011	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2025	-	-	-
8	Quản lý kinh tế	8310110	813/QĐ-DHTN-SDH	26/06/2009	740/QĐ-BGDĐT	09/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2009	2025	-	-	-
9	Kinh tế phát triển	8310105	2445/QĐ-DHTN	26/11/2020	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2023	-	-	-
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	107/QĐ-DHTN-ĐT	19/02/2008	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2025	-	-	-
11	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	372/QĐ-DHTN	14/03/2019	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2025	-	-	-
12	Khảo học dữ liệu	7460108	1256/QĐ-DHTN	24/03/2025	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2025	2025	-	-	-
13	Luật kinh tế	7380107	437/QĐ-DHTN	02/05/2013	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2025	-	-	-
14	Quản trị nhân lực	7340404	986/QĐ-DHTN	08/03/2024	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2025	-	-	-
15	Quản lý công	7340403	479/QĐ-DHTN	19/03/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2025	-	-	-
16	Kế toán	7340301	136/QĐ-TTg	02/08/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2025	-	-	-
17	Công nghệ tài chính	7340205	609/DHTN	03/02/2026	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2026	2026	829/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
18	Tài chính - Ngân hàng	7340201	107/QĐ-DHTN-ĐT	19/02/2008	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2025	831/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
19	Thương mại điện tử	7340122	1257/QĐ-DHTN	24/03/2025	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2025	2025	834/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
20	Kinh doanh quốc tế	7340120	1537/QĐ-DHTN	03/08/2020	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2025	-	-	-
21	Marketing	7340115	789/QĐ-DHTN-ĐT	21/11/2006	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2007	2025	833/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
22	Quản trị kinh doanh	7340101	136/QĐ-TTg	02/08/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2025	-	-	-
23	Quản lý kinh tế	7310110	607/QĐ-DHTN	03/02/2026	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2026	2025	-	-	-
24	Kinh tế số	7310109	608/DHTN	03/02/2026	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2026	2026	-	-	-
25	Kinh tế phát triển	7310105	478/QĐ-DHTN	19/03/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2025	-	-	-
26	Kinh tế đầu tư	7310104	477/QĐ-DHTN	19/03/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2025	-	-	-
27	Kinh tế	7310101	136/QĐ-TTg	02/08/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2025	-	-	-

**2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng**

**2.1. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Hoàng Nghiệp Quỳnh	12/11/1978	01/04/2011	01/04/2011	01/04/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
2	Vũ Bích Vân	27/07/1990	01/07/2018	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340115	Marketing	8
3	Trần Thị Nhung	16/10/1985	31/12/2012	31/12/2012	31/12/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
4	Bùi Thị Trà Ly	12/12/1986	07/07/2016	07/07/2016	07/07/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
5	Nguyễn Ngọc Bình	06/05/1987	01/02/2010	01/02/2010	01/02/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Giáo dục Thể chất	7380107	Luật kinh tế	8
6	Phạm Thị Hồng Nhung	28/01/1989	26/08/2015	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7340115	Marketing	8
7	Trần Thị Mai Linh	02/11/1990	20/12/2016	20/12/2016	20/12/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
8	Hoàng Hà	06/09/1974	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
9	Nguyễn Thảo Nguyễn	10/04/1990	01/09/2016	01/09/2016	01/09/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
10	Đàm Thanh Huyền	13/11/1991	01/07/2018	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	7340115	Marketing	8
11	Đặng Phi Trường	17/06/1985	01/05/2009	01/05/2009	01/05/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị nhân lực	7380107	Luật kinh tế	8
12	Ta Thị Huyền Trang	17/02/1990	11/12/2013	11/12/2013	11/12/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
13	Cù Phúc Thành	20/05/1967	28/11/2011	28/11/2011	28/11/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
14	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984	30/05/2010	30/05/2010	30/05/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
15	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984	Nữ	01/08/2021	01/08/2021		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
16	Hoàng Chí Thanh	05/07/1984	Nam	25/08/2015	25/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7340101	Quản trị kinh doanh	8
17	Hoàng Thị Vinh	31/01/1964	Nữ	01/08/2025	01/08/2025	01/08/2026	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Luật			
18	Hoàng Mai Phương	20/03/1989	Nữ	31/12/2025	31/12/2025	01/02/2028	HDLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
19	Trần Xuân Kiên	21/09/1981	Nam	01/05/2005	01/05/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
20	Phạm Khắc Dũng	20/03/1980	Nam	01/11/2004	01/11/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác			
21	Trần Thị Bích Thủy	12/02/1979	Nữ	23/02/2011	23/02/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7380107	Luật kinh tế	8
22	Thắng Thị Hồng Nhung	06/09/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
23	Nguyễn Thu Hằng	27/01/1991	Nữ	04/11/2016	04/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
24	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
25	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985	Nữ	01/04/2014	01/04/2014		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác	7310101	Kinh tế	8
26	Dương Thị Hương	26/02/1988	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	7340101	Quản trị kinh doanh	8
27	Bùi Thị Ngân	17/01/1988	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340101	Quản trị kinh doanh	8
28	Dương Công Hiệp	17/11/1988	Nam	01/05/2012	01/05/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
29	Nguyễn Việt Phương	08/10/1985	Nam	01/11/2009	01/11/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán giải tích	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
30	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
31	Vũ Thị Hậu	08/01/1977	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
32	Trần Văn Nguyễn	11/10/1985	Nam	01/07/2010	01/07/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế học	7380107	Luật kinh tế	8
33	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
34	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/07/1987	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn			
35	Mai Việt Anh	24/09/1983	Nam	01/05/2007	01/05/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
36	Nguyễn Thị Anh Đào	27/12/1990	Nữ	29/01/2013	29/01/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
37	Âu Thị Diệu Linh	27/10/1991	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
38	Trần Thị Mai	26/08/1979	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán giải tích	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
39	Đào Thúy Hằng	25/10/1983	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
40	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
41	Nguyễn Thị Thủy	10/05/1991	Nữ	20/04/2016	20/04/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Triết học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
42	Lương Thị Kim Ly	16/08/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
43	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
44	Vũ Thị Minh	06/11/1988	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
45	Đinh Thị Tuyết	16/07/1988	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	7340301	Kế toán	8
46	Hoàng Thanh Hải	03/09/1988	Nữ	01/11/2012	01/11/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Li thuyết xác suất và thống kê toán học	7340115	Marketing	8
47	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/09/1989	Nữ	07/06/2013	07/06/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
48	Phạm Thị Nga	03/02/1983	Nữ	01/03/2013	01/03/2013		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	7340101	Quản trị kinh doanh	8
49	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980	Nữ	01/04/2005	01/04/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
50	Nguyễn Thị Hương	10/07/1987	Nữ	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2027	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7310101	Kinh tế	8
51	Hoàng Thị Huế	22/06/1978	Nữ	01/07/2016	01/07/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
52	Dương Thanh Tinh	17/11/1976	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
53	Đinh Hồng Linh	23/10/1982	Nam	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
54	Lê Thị Thu Phương	26/01/1983	Nữ	01/09/2016	01/09/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
55	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	Nữ	30/06/2016	30/06/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
56	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/07/1984	Nữ	01/05/2009	01/05/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
57	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1983	Nữ	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
58	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985	Nữ	01/01/2010	01/01/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
59	Nguyễn Văn Thanh	01/10/1984	Nam	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục học	7380107	Luật kinh tế	8
60	Nguyễn Hải Khanh	07/10/1984	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
61	Đinh Thị Vũng	05/10/1988	Nữ	01/02/2012	01/02/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	7380107	Luật kinh tế	8
62	Nguyễn Thu Hà	04/06/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	7340101	Quản trị kinh doanh	8
63	Nguyễn Văn Hùng	04/11/1984	Nam	01/06/2010	01/06/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	7340115	Marketing	8
64	Nguyễn Thị Ngọc Dung	13/05/1988	Nữ	01/01/2011	01/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8
65	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982	Nam	14/01/2007	14/01/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
66	Nguyễn Thị Phương	29/11/1989	Nữ	07/05/2014	07/05/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
67	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7310101	Kinh tế	8
68	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/07/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7380107	Luật kinh tế	8
69	Phạm Thị Linh	19/10/1985	Nữ	01/02/2010	01/02/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán ứng dụng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
70	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
71	Nguyễn Quỳnh Hoa	04/10/1985	Nữ	01/08/2008	01/08/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán giải tích	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
72	Dương Tố Quỳnh	21/10/1987	Nữ	05/04/2016	05/04/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7340115	Marketing	8
73	Ta Việt Anh	14/10/1981	Nam	18/01/2011	18/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
74	Dương Thu Minh	10/01/1983	Nữ	01/04/2005	01/04/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
75	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976	Nam	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác	7310101	Kinh tế	8
76	Hoàng Thị Nguyệt	09/02/1988	Nữ	22/12/2016	22/12/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
77	Đào Thị Tân	19/09/1984	Nữ	01/07/2008	01/07/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7380107	Luật kinh tế	8
78	Bùi Minh Tân	05/01/1988	Nữ	05/04/2016	05/04/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7380107	Luật kinh tế	8
79	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	Nữ	01/07/2008	01/07/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
80	Nguyễn Thị Minh Hằng	23/02/1986	Nữ	01/04/2012	01/04/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
81	Dương Thị Hương Liên	24/04/1984	Nữ	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
82	Nguyễn Văn Công	28/06/1973	Nam	01/04/2006	01/04/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7310101	Kinh tế	8
83	Trần Thanh Tùng	19/07/1970	Nam	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
84	Trần Văn Giảng	06/09/1984	Nam	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Triết học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
85	Trần Nguyễn Bình	19/08/1984	Nam	01/12/2006	01/12/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7380107	Luật kinh tế	8
86	Đoàn Huyền Trang	21/01/1990	Nữ	23/12/2015	23/12/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
87	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1986	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
88	Bùi Như Hiền	18/09/1985	Nam	01/02/2008	01/02/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
89	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984	Nam	01/04/2010	01/04/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
90	Nguyễn Thị Oanh	08/02/1990	Nữ	21/12/2016	21/12/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
91	Nguyễn Văn Huy	21/07/1983	Nam	01/01/2007	01/01/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8
92	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981	Nữ	01/06/2007	01/06/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
93	Lê Thị Thu Huyền	10/10/1985	Nữ	01/09/2007	01/09/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7340115	Marketing	8
94	Tạ Bích Huệ	21/08/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7380107	Luật kinh tế	8
95	Phạm Thủy Linh	04/01/1987	Nữ	01/06/2010	01/06/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
96	Đông Thị Hồng Ngọc	28/09/1988	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	7340301	Kế toán	8
97	Trần Thị Phương Hạnh	24/11/1986	Nữ	01/01/2011	01/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
98	Hà Thị Thanh Hoa	14/05/1980	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
99	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/1989	Nam	01/09/2011	01/09/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
100	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
101	Trần Thị Ngọc Linh	08/06/1983	Nữ	30/11/2006	30/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340101	Quản trị kinh doanh	8
102	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988	Nữ	11/12/2015	11/12/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
103	Ma Thị Hương	28/04/1974	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
104	Phạm Thanh Hà	01/10/1983	Nữ	01/02/2009	01/02/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
105	La Qui Dương	04/01/1986	Nam	01/01/2011	01/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
106	Trần Thị Hà My	25/05/1986	Nữ	31/01/2013	31/01/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
107	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981	Nam	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
108	Đinh Trà Giang	27/08/2000	Nữ	08/08/2025	08/08/2025	07/08/2026	HDLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			
109	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1981	Nữ	14/04/2007	14/04/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
110	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
111	Giang Thị Trang	25/10/1990	Nữ	01/01/2026	01/01/2026	01/01/2029	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
112	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
113	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế đầu tư	7310101	Kinh tế	8
114	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985	Nam	01/08/2008	01/08/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
115	Đỗ Thị Hồng Hạnh	10/07/1976	Nữ	01/01/2008	01/01/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán			
116	Phạm Thị Ngân	19/08/1987	Nữ	05/05/2011	05/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7380107	Luật kinh tế	8
117	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
118	Vũ Thị Hòa	27/07/1990	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
119	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7340101	Quản trị kinh doanh	8
120	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	Nữ	01/11/2004	01/11/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
121	Lưu Thị Phương Thảo	22/05/1986	Nữ	07/07/2016	07/07/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7380107	Luật kinh tế	8
122	Cao Thị Phương Thảo	20/05/1990	Nữ	29/01/2013	29/01/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
123	Chu Thị Thúc	15/12/1987	Nữ	30/06/2018	30/06/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
124	Đoàn Quang Huy	21/01/1987	Nam	31/03/2009	31/03/2009		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
125	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1988	Nữ	01/10/2011	01/10/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
126	Nguyễn Quang Huy	08/10/1983	Nam	31/07/2008	31/07/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
127	Nguyễn Minh Huệ	11/07/1983	Nữ	01/01/2007	01/01/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
128	Đỗ Thanh Phúc	09/02/1986	Nữ	01/01/2009	01/01/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
129	Dương Thị Luyến	02/03/1989	Nữ	01/04/2014	01/04/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
130	Nguyễn Văn Anh	09/10/1978	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
131	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981	Nữ	01/02/2008	01/02/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7310101	Kinh tế	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
132	Phí Thị Hồng Vân	28/02/1973	Nữ	01/10/2013	01/10/2013		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học			
133	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	Nam	01/01/2016	01/01/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
134	Nguyễn Thị Thủy Linh	16/10/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7380107	Luật kinh tế	8
135	Vũ Thị Thủy Linh	01/06/1986	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
136	Trần Thị Kim Anh	01/12/1991	Nữ	01/01/2026	01/01/2026	01/01/2029	HĐLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
137	Lê Thu Hoài	20/12/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế học	7340115	Marketing	8
138	Đàm Phương Lan	05/11/1978	Nữ	01/08/2014	01/08/2014		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
139	Phạm Thị Hồng	15/12/1988	Nữ	01/09/2016	01/09/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
140	Trần Thị Bình An	25/07/1990	Nữ	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2027	HĐLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
141	Dương Thị Thủy Hương	07/05/1984	Nữ	31/10/2006	31/10/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
142	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	Nữ	01/04/2005	01/04/2005		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
143	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
144	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/10/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
145	Vũ Đức Hà	10/10/1988	Nữ	31/08/2011	31/08/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
146	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Khác	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
147	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
148	Trần Đình Mạnh	21/11/1992	Nam	23/06/2016	23/06/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7380107	Luật kinh tế	8
149	Nguyễn Thị Thảo	23/10/1990	Nữ	01/05/2017	01/05/2017		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
150	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
151	Đỗ Thị Thủy Linh	24/02/1987	Nữ	01/09/2010	01/09/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
152	Nguyễn Thị Thủy Dung	25/08/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
153	Nguyễn Hà Thương	31/07/1989	Nữ	01/10/2011	01/10/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
154	Nguyễn Thị Thu Phương	06/07/1989	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7380107	Luật kinh tế	8
155	Ngô Thị Tân Hương	12/10/1974	Nữ	01/04/2008	01/04/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Triết học	7380107	Luật kinh tế	8
156	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/10/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
157	Đàm Thanh Thủy	16/10/1973	Nữ	01/06/2008	01/06/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7380107	Luật kinh tế	8
158	Bà Thị Thanh Hương	06/08/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
159	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7380107	Luật kinh tế	8
160	Hoàng Thị Thu Hằng	24/01/1983	Nữ	01/04/2009	01/04/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340115	Marketing	8
161	Ta Thị Thanh Huyền	15/06/1978	Nữ	01/12/2004	01/12/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
162	Trần Quang Huy	14/04/1962	Nam	01/03/2025	01/03/2025	29/02/2028	HĐLĐ xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
163	Nguyễn Thị Thu Thư	18/09/1987	Nữ	11/12/2015	11/12/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
164	Trần Thị Xuân	04/02/1984	Nữ	01/01/2008	01/01/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
165	Mai Thanh Giang	28/06/1985	Nữ	01/07/2009	01/07/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
166	Nguyễn Thị Thu Yến	23/10/1983	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			
167	Hoàng Văn Dư	20/07/1972	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
168	Nguyễn Thị Phương Thủy	25/02/1981	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
169	Vũ Thị Mai Anh	06/10/1987	Nữ	04/03/2011	04/03/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
170	Đỗ Thị Thủy Phương	03/02/1974	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
171	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987	Nữ	01/07/2010	01/07/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
172	Nguyễn Hồng Hải	25/11/1980	Nữ	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
173	Nguyễn Thị Nội	07/12/1982	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	7380107	Luật kinh tế	8
174	Trần Đức Anh	15/12/1989	Nam	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán ứng dụng	7340101	Quản trị kinh doanh	15
175	Lê Hùng Ninh	04/01/1992	Nam	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	7340115	Marketing	8
176	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	Nữ	01/07/2009	01/07/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
177	Đặng Thị Diu	08/01/1979	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
178	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987	Nữ	01/10/2010	01/10/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
179	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
180	An Thị Thư	02/12/1980	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
181	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/01/1987	Nữ	01/07/2011	01/07/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
182	Đặng Trung Kiên	05/07/1989	Nam	01/01/2026	01/01/2026	01/01/2029	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
183	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976	Nam	29/10/2014	29/10/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
184	Nguyễn Thị Hương	05/11/1990	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
185	Hoàng Văn Hải	28/03/1979	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học dữ liệu	7340101	Quản trị kinh doanh	8
186	Đỗ Đình Long	14/05/1976	Nam	15/08/2004	15/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
187	Đỗ Trọng Nghĩa	24/11/1989	Nam	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
188	Nguyễn Thị Hồng Liên	28/06/1982	Nữ	07/12/2014	07/12/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	7380107	Luật kinh tế	15
189	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
190	Đặng Kim Oanh	04/10/1986	Nữ	01/07/2011	01/07/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
191	Ma Thị Huyền Nga	15/12/1989	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
192	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982	Nữ	01/01/2007	01/01/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340301	Kế toán	8
193	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/08/1983	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế học	7340115	Marketing	8
194	Phạm Lê Văn	15/06/1985	Nam	01/03/2008	01/03/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340101	Quản trị kinh doanh	8
195	Nguyễn Thị Kim Anh	16/09/1973	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
196	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981	Nữ	01/10/2014	01/10/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7310101	Kinh tế	8
197	Trần Tuấn Anh	26/04/1986	Nam	01/01/2010	01/01/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
198	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
199	Trần Thủy Linh	31/01/1983	Nam	01/11/2006	01/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
200	Nguyễn Thị Linh Trang	20/04/1984	Nữ	01/01/2011	01/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7380107	Luật kinh tế	8
201	Thái Thị Thu Trang	14/04/1983	Nữ	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340301	Kế toán	8
202	Dương Thị Tinh	03/10/1978	Nữ	01/08/2005	01/08/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8
203	Chu Thị Kim Ngân	29/07/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
204	Lê Thu Hà	03/11/1982	Nữ	01/06/2012	01/06/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7310101	Kinh tế	8
205	Dương Thanh Hà	02/11/1976	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8
206	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	Nam	01/11/2006	01/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
207	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	Nam	01/01/2005	01/01/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
208	Nguyễn Thị Huyền Thương	16/08/1989	Nữ	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
209	Nông Thị Dung	16/01/1981	Nữ	01/06/2007	01/06/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
210	Nông Thị Minh Ngọc	11/02/1989	Nữ	11/02/2015	11/02/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
211	Đinh Trọng Ân	30/11/1986	Nam	25/08/2015	25/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	7340101	Quản trị kinh doanh	8
212	Trình Thị Thu Trang	29/04/1989	Nữ	01/01/2014	01/01/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
213	Doãn Mạnh Hồng	08/04/1978	Nam	01/11/2005	01/11/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8
214	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
215	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976	Nữ	01/10/2014	01/10/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7340301	Kế toán	8
216	Nguyễn Ngọc Hoa	06/12/1985	Nữ	01/07/2008	01/07/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340115	Marketing	8
217	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
218	Nguyễn Đức Thu	07/06/1966	Nam	01/04/2008	01/04/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
219	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	Nữ	01/10/2011	01/10/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
220	Đặng Tất Thắng	05/07/1980	Nam	25/02/2008	25/02/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7380107	Luật kinh tế	8
221	Nguyễn Thị Thủy Linh	30/10/1991	Nữ	26/08/2025	26/08/2025	26/08/2029	HDLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật			
222	Đàm Thị Hạnh	08/03/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Triết học	7340115	Marketing	8
223	Triều Văn Huân	04/06/1988	Nam	01/11/2010	01/11/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế đầu tư	7310101	Kinh tế	8
224	Trần Thanh Hải	19/08/1992	Nữ	25/07/2016	25/07/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
225	Ngô Thị Nhung	06/06/1986	Nữ	01/08/2007	01/08/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
226	Trần Thị Thủy Linh	28/06/1989	Nữ	01/01/2013	01/01/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
227	Nguyễn Xuân Diệp	01/06/1983	Nam	01/07/2009	01/07/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340115	Marketing	8
228	Hoàng Thị Lê Mỹ	17/01/1988	Nữ	01/11/2010	01/11/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật	7380107	Luật kinh tế	8
229	Nguyễn Thị Thu Hà	18/10/1989	Nữ	30/06/2016	30/06/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
230	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984	Nữ	01/09/2007	01/09/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khác	7340301	Kế toán	8
231	Phạm Minh Hương	23/08/1986	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý du lịch bền vững	7340115	Marketing	8
232	Nguyễn Thu Thuý	02/10/1990	Nữ	01/12/2017	01/12/2017		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
233	Nguyễn Thị Thanh Quý	23/08/1991	Nữ	20/01/2014	20/01/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	7340115	Marketing	8
234	Nguyễn Tiên Phong	04/12/1966	Nam	01/03/2007	01/03/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
235	Bê Hùng Trường	27/07/1980	Nam	01/01/2016	01/01/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
236	Cao Phương Nga	31/01/1984	Nữ	01/02/2012	01/02/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
237	Đỗ Kim Dư	04/05/1981	Nữ	31/10/2006	31/10/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
238	Bạch Thị Huyền	22/05/1988	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
239	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	29/05/1984	Nữ	12/09/2007	12/09/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
240	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
241	Đỗ Đức Quang	29/01/1985	Nam	01/04/2010	01/04/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
242	Trần Thị Tiệp	22/06/1985	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	7340101	Quản trị kinh doanh	8
243	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984	Nam	01/01/2010	01/01/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
244	Nguyễn Thị Thu Trang	04/11/1983	Nữ	01/07/2010	01/07/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
245	Phạm Hồng Trường	14/05/1980	Nam	01/12/2013	01/12/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
246	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986	Nữ	01/07/2009	01/07/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
247	Nguyễn Như Quỳnh	14/09/1988	Nữ	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	7310101	Kinh tế	8
248	Trần Thanh Ngân	02/06/2000	Nữ	01/11/2025	01/11/2025	01/11/2026	HDLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật	8380101	Luật	
249	Nguyễn Thu Hà	18/07/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
250	Đào Thị Hương	27/10/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8

2.1.1. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kinh tế phát triển	Khoa học dữ liệu	Luật kinh tế	Công nghệ tài chính	Kinh tế	Quản lý kinh tế	Quản lý công	Quản trị nhân lực	Thương mại điện tử	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế số	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư	Kế toán	Tài chính - Ngân hàng			Marketing
			7810103	7310105	7460108	7380107	7340205	7310101	7310110	7340403	7340404	7340122	7510605	7310109	7340120	7340101	7310104	7340301	7340201			7340115
1	Hoàng Nghiệp Quỳnh	12/11/1978										45					55			2	100	
2	Vũ Bích Vân	27/07/1990							100												1	100
3	Trần Thị Nhung	16/10/1985	100																		1	100
4	Bùi Thị Trà Ly	12/12/1986	100																		1	100
5	Nguyễn Ngọc Bình	06/05/1987	100																		1	100
6	Phạm Thị Hồng Nhung	28/01/1989										100									1	100
7	Trần Thị Mai Linh	02/11/1990								15								85			2	100
8	Hoàng Hà	06/09/1974							20			50						30			3	100
9	Nguyễn Thảo Nguyên	10/04/1990					30			70											2	100
10	Đàm Thanh Huyền	13/11/1991										100									1	100
11	Đặng Phi Trường	17/06/1985										100									1	100
12	Tạ Thị Huyền Trang	17/02/1990										100									1	100
13	Cù Phúc Thành	20/05/1967	100																		1	100
14	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984														100					1	100
15	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984															100				1	100
16	Hoàng Chí Thanh	05/07/1984															100				1	100
17	Hoàng Thị Vinh	31/01/1964		90													10				2	100
18	Hoàng Mai Phương	20/03/1989							100												1	100
19	Trần Xuân Kiên	21/09/1981															100				1	100
20	Phạm Khắc Dũng	20/03/1980														100					1	100
21	Trần Thị Bích Thúy	12/02/1979							100												1	100
22	Thắng Thị Hồng Nhung	06/09/1990														100					1	100
23	Nguyễn Thu Hằng	27/01/1991	100																		1	100
24	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979														100					1	100
25	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985								100											1	100
26	Dương Thị Hương	26/02/1988							100												1	100
27	Bùi Thị Ngân	17/01/1988														100					1	100
28	Dương Công Hiệp	17/11/1988									5							95			2	100
29	Nguyễn Việt Phương	08/10/1985							80								20				2	100
30	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981							50			50									2	100
31	Vũ Thị Hậu	08/01/1977								100											1	100
32	Trần Văn Nguyễn	11/10/1985	100																		1	100
33	Kiều Thị Khánh	18/03/1990															100				1	100
34	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/07/1987	100																		1	100
35	Mai Việt Anh	24/09/1983														100					1	100
36	Nguyễn Thị Anh Đào	27/12/1990															100				1	100
37	Âu Thị Diệu Linh	27/10/1991							100												1	100
38	Trần Thị Mai	26/08/1979									100										1	100
39	Đào Thúy Hằng	25/10/1983					90			10											2	100
40	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988							100												1	100
41	Nguyễn Thị Thúy	10/05/1991																	100		1	100



STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																		Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
			Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kinh tế phát triển	Khoa học dữ liệu	Luật kinh tế	Công nghệ tài chính	Kinh tế	Quản lý kinh tế	Quản lý công	Quản trị nhân lực	Thương mại điện tử	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế số	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư	Kế toán	Tài chính - Ngân hàng	Marketing		
			7810103	7310105	7460108	7380107	7340205	7310101	7310110	7340403	7340404	7340122	7510605	7310109	7340120	7340101	7310104	7340301	7340201	7340115		
84	Trần Văn Giảng	06/09/1984															100			1	100	
85	Trần Nguyễn Bình	19/08/1984															100			1	100	
86	Đoàn Huyền Trang	21/01/1990										100								1	100	
87	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1986										100								1	100	
88	Bùi Như Hiền	18/09/1985															100			1	100	
89	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984														100				1	100	
90	Nguyễn Thị Oanh	08/02/1990				80						20								2	100	
91	Nguyễn Văn Huy	21/07/1983															100			1	100	
92	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981														100				1	100	
93	Lê Thị Thu Huyền	10/10/1985										100								1	100	
94	Tạ Bích Huệ	21/08/1989																	100	1	100	
95	Phạm Thủy Linh	04/01/1987											50			50				2	100	
96	Đông Thị Hồng Ngọc	28/09/1988															100			1	100	
97	Trần Thị Phương Hạnh	24/11/1986														100				1	100	
98	Hà Thị Thanh Hoa	14/05/1980														100				1	100	
99	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/1989															100			1	100	
100	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979															100			1	100	
101	Trần Thị Ngọc Linh	08/06/1983															100			1	100	
102	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988	100																	1	100	
103	Mã Thị Hương	28/04/1974																	100	1	100	
104	Phạm Thanh Hà	01/10/1983										50					50			2	100	
105	La Qui Dương	04/01/1986															100			1	100	
106	Trần Thị Hà My	25/05/1986										100								1	100	
107	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981																	100	1	100	
108	Đình Trà Giang	27/08/2000							10	45									45	3	100	
109	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1981															100			1	100	
110	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979		100																1	100	
111	Giang Thị Trang	25/10/1990											100							1	100	
112	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980											100							1	100	
113	Nguyễn Thị Thủy Vân	12/10/1978							100											1	100	
114	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985													100					1	100	
115	Đỗ Thị Hồng Hạnh	10/07/1976									30	70								2	100	
116	Phạm Thị Ngân	19/08/1987															100			1	100	
117	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979															100			1	100	
118	Vũ Thị Hòa	27/07/1990														100				1	100	
119	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991														100				1	100	
120	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982							20		30					50				3	100	
121	Lưu Thị Phương Thảo	22/05/1986															100			1	100	
122	Cao Thị Phương Thảo	20/05/1990									70									30	2	100
123	Chu Thị Thức	15/12/1987																	100	1	100	
124	Đoàn Quang Huy	21/01/1987			100															1	100	
125	Nguyễn Thị Phương Tháo	16/03/1988																	100	1	100	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành																		Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Kinh tế phát triển	Khoa học dữ liệu	Luật kinh tế	Công nghệ tài chính	Kinh tế	Quản lý kinh tế	Quản lý công	Quản trị nhân lực	Thương mại điện tử	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế số	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư	Kế toán	Tài chính - Ngân hàng	Marketing			
			7810103	7310105	7460108	7380107	7340205	7310101	7310110	7340403	7340404	7340122	7510605	7310109	7340120	7340101	7310104	7340301	7340201	7340115			
126	Nguyễn Quang Huy	08/10/1983																			1	100	
127	Nguyễn Minh Huệ	11/07/1983																				1	100
128	Đỗ Thanh Phúc	09/02/1986														10	90					2	100
129	Dương Thị Luyến	02/03/1989														100						1	100
130	Nguyễn Văn Anh	09/10/1978														100						1	100
131	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981															100					1	100
132	Phí Thị Hồng Vân	28/02/1973																				1	100
133	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981							100													1	100
134	Nguyễn Thị Thúy Linh	16/10/1991															100					1	100
135	Vũ Thị Thúy Linh	01/06/1986																				1	100
136	Trần Thị Kim Anh	01/12/1991															100					1	100
137	Lê Thu Hoài	20/12/1989																		100		1	100
138	Đàm Phương Lan	05/11/1978								10				50							40	3	100
139	Phạm Thị Hồng	15/12/1988				90													10			2	100
140	Trần Thị Bình An	25/07/1990																				1	100
141	Dương Thị Thủy Hương	07/05/1984		20			40			30											10	4	100
142	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982														100						1	100
143	Lê Ngọc Nương	10/10/1985														100						1	100
144	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/10/1990								100												1	100
145	Vũ Đức Hà	10/10/1988												100								1	100
146	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	100																			1	100
147	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979		100																		1	100
148	Trần Đình Mạnh	21/11/1992														100						1	100
149	Nguyễn Thị Thảo	23/10/1990			70													30				2	100
150	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980							100													1	100
151	Đỗ Thị Thúy Linh	24/02/1987														100						1	100
152	Nguyễn Thị Thùy Dung	25/08/1989	100																			1	100
153	Nguyễn Hà Thương	31/07/1989	85							15												2	100
154	Nguyễn Thị Thu Phương	06/07/1989												100								1	100
155	Ngô Thị Tân Hương	12/10/1974					100															1	100
156	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/10/1988														100						1	100
157	Đàm Thanh Thủy	16/10/1973														100						1	100
158	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990														100						1	100
159	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990		100																		1	100
160	Hoàng Thị Thu Hằng	24/01/1983	85							15												2	100
161	Tạ Thị Thanh Huyền	15/06/1978							80					20								2	100
162	Trần Quang Huy	14/04/1962	80							20												2	100
163	Nguyễn Thị Thu Thư	18/09/1987	100																			1	100
164	Trần Thị Xuân	04/02/1984											30			50	20					3	100
165	Mai Thanh Giang	28/06/1985		20			80															2	100
166	Nguyễn Thị Thu Yên	23/10/1983	100																			1	100
167	Hoàng Văn Dư	20/07/1972														100						1	100





2.1.2. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành						Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
			Kinh tế phát triển	Quản lý kinh tế	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp	Kế toán		
			8310105	8310110	8340201	8340101	8620115	8340301		
1	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978					100		1	100
2	Phạm Lê Vân	15/06/1985			100				1	100
3	Tạ Việt Anh	14/10/1981					100		1	100
4	Cao Thị Thanh Phượng	25/10/1988					100		1	100
5	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980						100	1	100
6	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988			100				1	100
7	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979					100		1	100
8	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	100						1	100
9	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990			100				1	100
10	Dương Công Hiệp	17/11/1988			100				1	100
11	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979			100				1	100
12	Đàm Phương Lan	05/11/1978	100						1	100
13	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976					100		1	100
14	Dương Thu Minh	10/01/1983			100				1	100
15	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986			100				1	100
16	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987			100				1	100
17	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985			100				1	100
18	Đào Thúy Hằng	25/10/1983			100				1	100
19	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985			100				1	100
20	Trần Quang Huy	14/04/1962			100				1	100
21	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981			100				1	100
22	Trần Tuấn Anh	26/04/1986			100				1	100
23	Ngô Thị Nhung	06/06/1986			100				1	100
24	Nguyễn Thị Kim Anh	16/09/1973	100						1	100
25	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/09/1989						100	1	100
26	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1983					100		1	100
27	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988					100		1	100
28	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	100						1	100
29	Đỗ Kim Dư	04/05/1981					100		1	100
30	Trần Thị Nhung	16/10/1985	100						1	100
31	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979			100				1	100
32	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976				100			1	100
33	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982					100		1	100
34	Dương Thanh Hà	02/11/1976					100		1	100
35	Giang Thị Trang	25/10/1990			100				1	100
36	Hoàng Thị Thu	10/01/1976					100		1	100
37	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991			100				1	100

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành					Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Kinh tế phát triển	Quản lý kinh tế	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp			Kế toán
			8310105	8310110	8340201	8340101	8620115			8340301
38	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985				100			1	100
39	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984					100		1	100
40	Cao Phương Nga	31/01/1984			100				1	100
41	Đặng Phi Trường	17/06/1985					100		1	100
42	Kiều Thị Khánh	18/03/1990						100	1	100
43	Lê Thu Hà	03/11/1982					100		1	100
44	Nguyễn Thị Phương Thúy	25/02/1981			100				1	100
45	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/07/1984			100				1	100
46	Dương Thị Thúy Hương	07/05/1984					100		1	100
47	Đinh Thị Tuyết	16/07/1988				100			1	100
48	Dương Thị Luyến	02/03/1989			100				1	100
49	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976		100					1	100
50	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981					100		1	100
51	Ngô Thị Tân Hương	12/10/1974	100						1	100
52	Trần Thị Thùy Linh	28/06/1989						100	1	100
53	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985			100				1	100
54	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979				100			1	100
55	Trần Thùy Linh	31/01/1983			100				1	100
56	Đặng Tất Thắng	05/07/1980					100		1	100
57	Đỗ Đình Long	14/05/1976					100		1	100
58	Phạm Thị Nga	03/02/1983			100				1	100
59	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982			100				1	100
60	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991			100				1	100
61	Trần Văn Nguyên	11/10/1985			100				1	100
62	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978		100					1	100
63	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981		100					1	100
64	Đinh Hồng Linh	23/10/1982					100		1	100
65	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983			100				1	100
66	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979			100				1	100
67	Tạ Thị Thanh Huyền	15/06/1978			100				1	100
68	Đoàn Quang Huy	21/01/1987					100		1	100
69	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990					100		1	100
70	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979					100		1	100
71	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976				100			1	100
72	Lê Ngọc Nương	10/10/1985			100				1	100
73	Triệu Văn Huấn	04/06/1988			100				1	100
74	Nguyễn Thị Thu Trang	04/11/1983			100				1	100

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành					Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Kinh tế phát triển	Quản lý kinh tế	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp			Kế toán
			8310105	8310110	8340201	8340101	8620115			8340301
75	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979			100				1	100
76	Nguyễn Xuân Điệp	01/06/1983			100				1	100
77	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984					100		1	100
78	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987			100				1	100
79	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	100						1	100
80	Nguyễn Thành Công	02/09/1984			100				1	100
81	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984		100					1	100
82	Hoàng Hà	06/09/1974					100		1	100
83	Dương Thị Tinh	03/10/1978		100					1	100
84	Nguyễn Văn Công	28/06/1973				100			1	100
85	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980					100		1	100
86	Đào Thị Hương	27/10/1988					100		1	100
87	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981		100					1	100
88	Mai Việt Anh	24/09/1983					100		1	100
89	Vũ Thị Minh	06/11/1988			100				1	100
90	Trần Văn Giảng	06/09/1984					100		1	100
91	Nguyễn Thị Thủy	10/05/1991			100				1	100
92	Đặng Trung Kiên	05/07/1989					100		1	100
93	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983						100	1	100
94	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982				100			1	100
95	Đỗ Thị Thủy Phương	03/02/1974	100						1	100
96	Bạch Thị Huyền	22/05/1988			100				1	100
97	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981						100	1	100
98	Đàm Thanh Thủy	16/10/1973			100				1	100
99	Ma Thị Hương	28/04/1974	100						1	100
100	Dương Thị Hương	26/02/1988						100	1	100
101	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982						100	1	100
102	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980	100						1	100
103	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979			100				1	100
104	Nguyễn Thị Nội	07/12/1982		100					1	100
105	Mai Thanh Giang	28/06/1985						100	1	100
106	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984					100		1	100
107	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985			100				1	100
108	Đỗ Thị Thủy Linh	24/02/1987					100		1	100
109	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984					100		1	100
110	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978					100		1	100
111	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981						100	1	100
112	Vũ Thị Hậu	08/01/1977						100	1	100

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành			Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
						Quản lý kinh tế	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị kinh doanh		
						9310110	9620115	9340101		
1	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
2	Tạ Việt Anh	14/10/1981	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
3	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ			100	1	100
4	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
5	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
6	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979	Quản lý công nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
7	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	Kế toán		Tiến sĩ			100	1	100
8	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ	100			1	100
9	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
10	Đàm Phương Lan	05/11/1978	Kế toán		Tiến sĩ			100	1	100
11	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
12	Dương Thu Minh	10/01/1983	Kế toán	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100
13	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
14	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
15	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
16	Đào Thúy Hằng	25/10/1983	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
17	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
18	Trần Quang Huy	14/04/1962	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
19	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
20	Trần Tuấn Anh	26/04/1986	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
21	Ngô Thị Nhung	06/06/1986	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100			1	100
22	Nguyễn Thị Kim Anh	16/09/1973	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
23	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
24	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	Kế toán		Tiến sĩ			100	1	100
25	Đỗ Kim Dư	04/05/1981	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
26	Trần Thị Nhung	16/10/1985	Kế toán		Tiến sĩ			100	1	100
27	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
28	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976	Kinh tế phát triển	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100		1	100
29	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ			100	1	100
30	Dương Thanh Hà	02/11/1976	Khác		Tiến sĩ			100	1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành			Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
						Quản lý kinh tế	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị kinh doanh		
						9310110	9620115	9340101		
31	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
32	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991	Kinh tế phát triển	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100
33	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100		1	100
34	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984	Kinh tế học		Tiến sĩ			100	1	100
35	Đặng Phi Trường	17/06/1985	Quản trị nhân lực		Tiến sĩ			100	1	100
36	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
37	Dương Thị Thúy Hương	07/05/1984	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
38	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
39	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
40	Trần Thị Thùy Linh	28/06/1989	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ			100	1	100
41	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
42	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ		100		1	100
43	Đặng Tất Thắng	05/07/1980	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
44	Đỗ Đình Long	14/05/1976	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
45	Phạm Thị Nga	03/02/1983	Kinh tế chính trị		Tiến sĩ	100			1	100
46	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ		100		1	100
47	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ	100			1	100
48	Trần Văn Nguyễn	11/10/1985	Kinh tế học		Tiến sĩ	100			1	100
49	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978	Kinh tế đầu tư		Tiến sĩ		100		1	100
50	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
51	Đình Hồng Linh	23/10/1982	Kinh tế		Tiến sĩ			100	1	100
52	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
53	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
54	Tạ Thị Thanh Huyền	15/06/1978	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
55	Đoàn Quang Huy	21/01/1987	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
56	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
57	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
58	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ		100		1	100
59	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
60	Triệu Văn Huân	04/06/1988	Kinh tế đầu tư		Tiến sĩ	100			1	100
61	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành			Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
						Quản lý kinh tế	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị kinh doanh		
						9310110	9620115	9340101		
62	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
63	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
64	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
65	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
66	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
67	Hoàng Hà	06/09/1974	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
68	Dương Thị Tinh	03/10/1978	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
69	Nguyễn Văn Công	28/06/1973	Kinh tế phát triển		Tiến sĩ		100		1	100
70	Đào Thị Hương	27/10/1988	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
71	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981	Kinh tế nông nghiệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100		1	100
72	Mai Việt Anh	24/09/1983	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
73	Vũ Thị Minh	06/11/1988	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
74	Đặng Trung Kiên	05/07/1989	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ			100	1	100
75	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
76	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ		100		1	100
77	Đỗ Thị Thúy Phương	03/02/1974	Kinh tế nông nghiệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100
78	Bạch Thị Huyền	22/05/1988	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
79	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
80	Đàm Thanh Thủy	16/10/1973	Kinh tế phát triển		Tiến sĩ	100			1	100
81	Ma Thị Hường	28/04/1974	Kế toán		Tiến sĩ		100		1	100
82	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
83	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
84	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
85	Mai Thanh Giang	28/06/1985	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
86	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
87	Đỗ Thị Thủy Linh	24/02/1987	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
88	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
89	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ			100	1	100
90	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
91	Vũ Thị Hậu	08/01/1977	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
92	Hà Thị Thanh Hoa	14/05/1980	Kế toán		Thạc sĩ			100	1	100

2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Không có

2.2.1. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

2.2.2. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Thạc sĩ

2.2.3. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Tiến sĩ

3. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Thời hạn hợp đồng	Mã ngành đại học	Chuyên môn đào tạo	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTX
1	Trần Huy Ngọc	25/10/1987	Nam	01/04/2010		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Chính trị học	12
2	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978	Nữ	01/07/2016		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
3	Tạ Việt Anh	14/10/1981	Nam	18/01/2011		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Khác	12
4	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
5	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản lý công nghiệp	12
6	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	Nữ	01/11/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
7	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976	Nam	29/10/2014		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
8	Dương Thị Thu Hằng	06/03/1985	Nữ	01/01/2013		Đại học	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Sư phạm Lịch sử	12
9	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985	Nam	01/08/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Khác	12
10	Trần Thị Hương	24/08/1984	Nữ	31/08/2009		Đại học	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Công nghệ thông tin	12
11	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981	Nam	01/02/2006		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
12	Trần Tuấn Anh	26/04/1986	Nam	01/01/2010		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
13	Trần Thị Mai	26/08/1979	Nữ	01/09/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Toán giải tích	12
14	Lê Mạnh Hùng	09/12/1982	Nam	26/08/2015		Đại học	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Sư phạm Tin học	12
15	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	Nữ	01/11/2006		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
16	Nguyễn Thị Kim Anh	26/07/1979	Nữ	22/11/2016		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Kinh tế nông nghiệp	12
17	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	Nam	01/01/2005		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Quản lý kinh tế	12
18	Nguyễn Đức Dũng	31/08/1982	Nam	14/01/2007		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản lý kinh tế	12
19	Dương Thanh Hà	02/11/1976	Nam	01/10/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Khác	12
20	Nguyễn Quang Huy	08/10/1983	Nam	31/07/2008		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Luật kinh tế	12
21	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	Nữ	01/09/2004	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Khác	12
22	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985	Nữ	01/04/2014	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Khác	12
23	Đặng Phi Trường	17/06/1985	Nam	01/05/2009		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản trị nhân lực	12
24	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	Nữ	01/07/2018		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Khác	12
25	Đoàn Mạnh Hồng	08/04/1978	Nam	01/11/2005		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Khác	12
26	Nguyễn Thị Phương Thúy	25/02/1981	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Luật kinh tế	12
27	Đỗ Hoàng Trung	26/07/1990	Nam	26/08/2015		Đại học	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Công nghệ thông tin	12
28	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/1989	Nam	01/09/2011		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
29	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976	Nam	01/09/2004	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Khác	12
30	Trần Thanh Tùng	19/07/1970	Nam	01/09/2008		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Toán học	12
31	Nguyễn Tiên Phong	04/12/1966	Nam	01/03/2007		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Giáo dục học	12
32	Trần Thị Thùy Linh	28/06/1989	Nữ	01/01/2013		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
33	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	Nữ	30/06/2016		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
34	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	Nữ	01/10/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
35	Bùi Như Hiền	18/09/1985	Nam	01/02/2008		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12

36	Dặng Tất Thắng	05/07/1980	Nam	25/02/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản trị kinh doanh	12
37	Nguyễn Văn Thanh	01/10/1984	Nam	01/05/2011		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Giáo dục học	12
38	Đỗ Đình Long	14/05/1976	Nam	15/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Khác	12
39	Phạm Thị Nga	03/02/1983	Nữ	01/03/2013	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế chính trị	12
40	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978	Nữ	01/10/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế đầu tư	12
41	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1981	Nữ	14/04/2007		Thạc sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
42	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981	Nữ	01/02/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Khác	12
43	Đinh Hồng Linh	23/10/1982	Nam	01/02/2006	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế	12
44	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	Nữ	26/08/2015		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản lý kinh tế	12
45	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	Nữ	01/09/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Khác	12
46	Tạ Thị Thanh Huyền	15/06/1978	Nữ	01/12/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản lý kinh tế	12
47	Phạm Hồng Trường	14/05/1980	Nam	01/12/2013		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Toán học	12
48	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990	Nữ	01/07/2018		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
49	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Khác	12
50	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế nông nghiệp	12
51	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	Nữ	01/09/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản lý kinh tế	12
52	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	Nam	01/10/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Khác	12
53	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984	Nam	30/05/2010		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Khác	12
54	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987	Nữ	01/10/2010		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
55	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	Nữ	01/10/2011		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
56	Nguyễn Văn Công	28/06/1973	Nam	01/04/2006		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế phát triển	12
57	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
58	Đào Thị Hương	27/10/1988	Nữ	01/05/2011		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
59	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981	Nữ	01/10/2014		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế nông nghiệp	12
60	Mai Việt Anh	24/09/1983	Nam	01/05/2007		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
61	Đặng Trung Kiên	05/07/1989	Nam	01/01/2026		Tiến sĩ	HĐLĐ xác định thời hạn	7340101	Khác	12
62	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	Nữ	01/07/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
63	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	Nữ	01/04/2005		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
64	Đỗ Thị Thúy Phương	03/02/1974	Nữ	01/09/2004	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
65	Nguyễn Thị Kiều Yến	04/11/1986	Nữ	30/06/2016		Đại học	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Lưu trữ học	12
66	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	Nam	01/01/2016		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
67	Dàm Thanh Thùy	16/10/1973	Nữ	01/06/2008		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7380107	Kinh tế phát triển	12
68	Dương Thị Hương	26/02/1988	Nữ	10/03/2016		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật	12
69	Mai Thanh Giang	28/06/1985	Nữ	01/07/2009		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
70	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984	Nam	01/04/2010		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
71	Nguyễn Đức Hưng	02/06/1987	Nam	25/07/2016		Đại học	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340301	Công nghệ thông tin	12
72	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	Nữ	01/07/2009		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Khác	12
73	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984	Nam	01/01/2010		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế nông nghiệp	12
74	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Nam	01/10/2004		Tiến sĩ	HĐLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12

4. Danh sách người học trúng tuyển, nhập học, tốt nghiệp các trình độ tính đến 31/12/2025 (người học): đã nhập đầy đủ trong hệ thống Hemis

**5. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng**

**5.1. Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng**

STT	Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
1	467/QĐ-KĐCL	02/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	117/QĐ-KĐCLGD	12/12/2017	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam

**5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng**

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1	Kinh tế đầu tư	7310104	157/QĐ-CEA.UD	06/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
2	Kế toán	7340301	156/QĐ-CEA.UD	06/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
3	Quản trị kinh doanh	7340101	AP926TNUSEP22	09/10/2022	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
4	Marketing	7340115	AP1057TNUJUN2023	22/07/2023	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	158/QĐ-CEA.UD	06/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng

**6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học**

**6.1. Quyết định thành lập**

STT	Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
1	35/QĐ-HĐĐHTN	12/08/2020	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
2	39/NQ-HĐĐHTN	06/06/2022	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
3	40/NQ-HĐĐHTN	07/06/2022	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
4	08/NQ-HĐĐHTN	10/01/2023	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
5	16/NQ-HĐĐHTN	13/03/2024	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
6	25/NQ-HĐĐHTN	23/04/2024	Hội đồng Đại học Thái Nguyên

**6.2. Danh sách hội đồng trường**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Hoàng Thị Thu	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương
2	Đỗ Thị Thúy Phương	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Phó Hiệu trưởng
3	Nguyễn Hồng Liên	Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường
4	Bùi Văn Lương	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường
5	Đình Hồng Linh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Hiệu trưởng
6	Đoàn Mạnh Hồng	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương
7	Hoàng Thị Huệ	Tiến sĩ	Nữ	Thư ký	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương
8	Phạm Quốc Chính	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường
9	Bùi Nữ Hoàng Anh	Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Phó Hiệu trưởng
10	Đỗ Đình Long	Tiến sĩ	Nam	Chủ tịch	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Chủ tịch hội đồng trường
11	Phạm Thị Huệ	Không có chuyên môn giảng dạy	Nữ	Ủy viên	Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy chế tài chính	Quyết định về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Đại học Thái Nguyên	1832/QĐ-DHTN	04/04/2026	Đại học Thái Nguyên
2	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng PGS.TS. Đỗ Thị Thủy Phương	229/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	18/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
3	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng TS. Nguyễn Quang Hợp	231/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	18/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
4	Khác	Sứ mạng, tầm nhìn triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Trường ĐHK&QTKD	226/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	04/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
5	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Quy định tuyển dụng lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	221/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	27/08/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
6	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm trưởng khoa Marketing, TM&DL TS. Dương Thanh Hà	210/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	22/07/2024	HĐT trường ĐHK&QTKD
7	Danh mục vị trí việc làm	Đề án vị trí việc làm	208/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	21/06/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
8	Danh mục vị trí việc làm	Phê duyệt cơ cấu lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nghị quyết 20/NQ-ĐHT&QTKD-HĐT	22/05/2024	Hội đồng Trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
9	Danh mục vị trí việc làm	Điều chỉnh danh mục VTVL của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	201/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	22/05/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
10	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm tổng biên tập cơ quan báo chí Tạp chí Kinh tế và Quản trị Kinh doanh PGS. TS. Hoàng Thị Thu	191/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	26/04/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
11	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Nghị quyết bổ nhiệm Kế toán trưởng	185/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	21/03/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
12	Quy chế tài chính	Phê duyệt mức thu học phí các hệ đào tạo năm 2023-2024	181/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	13/03/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
13	Khác	Về việc thông qua phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 Trường Đại học Kinh tế và QTKD, Đại học Thái Nguyên	133/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	06/01/2023	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Khác	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ	909/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	02/08/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
15	Danh mục vị trí việc làm	Danh mục vị trí việc làm	201/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	24/06/2022	Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
16	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	109/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	24/06/2022	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
17	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	691/QĐ-ĐHK&QTKD-KT&ĐBCLGD	08/06/2022	Trường ĐHK& QTKD
18	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	691/QĐ-ĐHK&QTKD-KT&ĐBCLGD	08/06/2022	Trường ĐHK& QTKD
19	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	39/NQ-HĐDHTN	07/06/2022	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
20	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	40-NG-HĐDHTN	07/06/2022	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
21	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	626/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	30/05/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
22	Khác	Quyết định ban hành Quy định quản lý người học sau đại học của Trường Đại học Kinh tế & QTKD	521/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	11/05/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
23	Quy chế tài chính	Ban hành Quy định về việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động của Đại học Thái Nguyên	99/QĐ-ĐHTN	21/01/2022	Đại học Thái Nguyên
24	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	68/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	19/01/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
25	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành Quy định tuyển dụng viên chức của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	1040/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	29/10/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
26	Khác	Quyết định ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên	1893/QĐ-ĐHTN	25/10/2021	Đại học Thái Nguyên
27	Khác	Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	804/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	06/09/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
28	Chiến lược phát triển	Ban hành Kế hoạch, chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025	751/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	20/08/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
29	Quy chế dân chủ	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường ĐHK&QTKD	38/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	12/07/2021	Trường ĐHK&QTKD
30	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Nội quy lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	525/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	19/06/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
31	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	427/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	12/05/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
32	Quy chế tổ chức và hoạt động	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	27/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	29/04/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
33	Kế hoạch phát triển	Chiến lược phát triển trường ĐHK&QTKD giai đoạn 2020-2025	18/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
34	Kế hoạch phát triển	Chiến lược phát triển trường ĐHK&QTKD	18/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
35	Chiến lược phát triển	Chiến lược phát triển TUEBA 2020-2025	18/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
36	Quy chế tài chính	Về việc ban hành Quy định về phân loại cán bộ viên chức để hưởng thu nhập tăng thêm ngoài lương	1213/QĐ-ĐHK&QTKD-TTPC	21/12/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
37	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	2445/QĐ-ĐHTN	26/11/2020	Đại học Thái Nguyên
38	Quy chế tài chính	Quy trình thanh toán khối lượng giảng dạy hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
39	Khác	Quy trình xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
40	Khác	Quy trình xét tiến độ học tập hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
41	Khác	Quy trình xây dựng lịch thi hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
42	Khác	Quy trình xây dựng thời khóa biểu và đăng ký học hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
43	Khác	Quyết định về việc ban hành Bộ quy trình quản lý đào tạo hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QB ban hành	Ngày QB ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy chế tài chính	Quyết định về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Đại học Thái Nguyên	1832/QĐ-ĐHTN	04/04/2026	Đại học Thái Nguyên
2	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng PGS.TS. Đỗ Thị Thủy Phương	229/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	18/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
3	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng TS. Nguyễn Quang Hợp	231/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	18/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
4	Khác	Sứ mạng, tầm nhìn triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Trường ĐHK&QTKD	226/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	04/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
5	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Quy định tuyển dụng lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	221/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	27/08/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
6	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm trưởng khoa Marketing, TM&DL TS. Dương Thanh Hà	210/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	22/07/2024	HĐT trường ĐHK&QTKD
7	Danh mục vị trí việc làm	Đề án vị trí việc làm	208/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	21/06/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
8	Danh mục vị trí việc làm	Phê duyệt cơ cấu lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nghị quyết 20/NQ-ĐHT&QTKD-HĐT	22/05/2024	Hội đồng Trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
9	Danh mục vị trí việc làm	Điều chỉnh danh mục VTVL của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	201/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	22/05/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
10	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bổ nhiệm tổng biên tập cơ quan báo chí Tạp chí Kinh tế và Quản trị Kinh doanh PGS. TS. Hoàng Thị Thu	191/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	26/04/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
11	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Nghị quyết bổ nhiệm Kế toán trưởng	185/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	21/03/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
12	Quy chế tài chính	Phê duyệt mức thu học phí các hệ đào tạo năm 2023-2024	181/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	13/03/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
13	Khác	Về việc thông qua phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 Trường Đại học Kinh tế và QTKD, Đại học Thái Nguyên	133/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	06/01/2023	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Khác	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ	909/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	02/08/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
15	Danh mục vị trí việc làm	Danh mục vị trí việc làm	201/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	24/06/2022	Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
16	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	109/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	24/06/2022	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
17	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	691/QĐ-ĐHK&QTKD-KT&ĐBCLGD	08/06/2022	Trường ĐHK& QTKD
18	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	691/QĐ-ĐHK&QTKD-KT&ĐBCLGD	08/06/2022	Trường ĐHK& QTKD
19	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	39/NQ-HĐĐHTN	07/06/2022	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
20	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	40-NG-HĐĐHTN	07/06/2022	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
21	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	626/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	30/05/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
22	Khác	Quyết định ban hành Quy định quản lý người học sau đại học của Trường Đại học Kinh tế & QTKD	521/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	11/05/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
23	Quy chế tài chính	Ban hành Quy định về việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động của Đại học Thái Nguyên	99/QĐ-ĐHTN	21/01/2022	Đại học Thái Nguyên
24	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	68/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	19/01/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
25	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành Quy định tuyển dụng viên chức của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	1040/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	29/10/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
26	Khác	Quyết định ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên	1893/QĐ-ĐHTN	25/10/2021	Đại học Thái Nguyên
27	Khác	Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	804/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	06/09/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
28	Chiến lược phát triển	Ban hành Kế hoạch, chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025	751/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	20/08/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
29	Quy chế dân chủ	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường ĐHK&QTKD	38/NQ-ĐHK7QTKD-HĐT	12/07/2021	Trường ĐHK&QTKD
30	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Nội quy lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	525/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	19/06/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
31	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	427/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	12/05/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
32	Quy chế tổ chức và hoạt động	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	27/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	29/04/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
33	Kế hoạch phát triển	Chiến lược phát triển trường ĐHK&QTKD giai đoạn 2020-2025	18/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
34	Kế hoạch phát triển	Chiến lược phát triển trường ĐHK&QTKD	18/NQ-ĐHK7QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
35	Chiến lược phát triển	Chiến lược phát triển TUEBA 2020-2025	18/NQ-ĐHKQTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
36	Quy chế tài chính	Về việc ban hành Quy định về phân loại cán bộ viên chức để hưởng thu nhập tăng thêm ngoài lương	1213/QĐ-ĐHK&QTKD-TTPC	21/12/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
37	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	2445/QĐ-ĐHTN	26/11/2020	Đại học Thái Nguyên
38	Quy chế tài chính	Quy trình thanh toán khối lượng giảng dạy hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
39	Khác	Quy trình xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
40	Khác	Quy trình xét tiến độ học tập hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
41	Khác	Quy trình xây dựng lịch thi hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
42	Khác	Quy trình xây dựng thời khóa biểu và đăng ký học hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
43	Khác	Quyết định về việc ban hành Bộ quy trình quản lý đào tạo hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
44	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
45	Khác	Quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
46	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
47	Khác	Quy trình rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
48	Khác	Quy trình mở ngành/chương trình đào tạo hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
49	Khác	Về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp	2466/QĐ-BGDĐT	27/08/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo
50	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	35/QĐ-HĐĐH ĐHTN	12/08/2020	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
51	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy trình khảo sát và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đối với cán bộ, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	646/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	30/07/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
52	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định về giảng viên thỉnh giảng, giảng viên kiêm nhiệm của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên	204/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	18/03/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
53	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	192/QĐ-ĐHK&QTKD-HCTC	20/03/2019	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
54	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	1460/QĐ-ĐHK&QTKD-KT*ĐBCLGD	28/12/2018	Trường ĐHK&QTKD
55	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	1460/QĐ-ĐHK&QTKD-KT*ĐBCLGD	28/12/2018	Trường ĐHK&QTKD
56	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	2123/QĐ-ĐHTN	10/10/2018	Đại học Thái nguyên
57	Khác	Quyết định chuyển đổi tên và mã số ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	2570/QĐ-ĐHTN	28/11/2017	Đại học Thái Nguyên
58	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ	5000/QĐ-BTBGDĐT	25/10/2013	Bộ Giáo dục và Đào tạo
59	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	3172/QĐ-BGDĐT	04/08/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo
60	Khác	Quyết định mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	4282/QĐ-BGDĐT	25/06/2009	Bộ Giáo dục và Đào tạo
61	Khác	Quyết định về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ	2867/QĐ-BGDĐT	22/05/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo
62	Khác	Quyết định của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ cho Đại học Thái Nguyên	1639/QĐ-BGD&ĐT/ĐH&SDH	01/04/2004	Bộ Giáo dục và Đào tạo
63	Khác	Quyết định của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo thử nghiệm cao học Kinh tế nông nghiệp cho Đại học Thái nguyên	510/SDH	30/01/2002	Bộ Giáo dục và Đào tạo

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
<b>1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>180</b>	<b>176</b>	<b>70</b>	<b>97</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	<b>180</b>	<b>176</b>	<b>70</b>	<b>97</b>
1.1.1	Kinh tế	7310101	50	53	3	100
1.1.2	Kinh tế đầu tư	7310104	80	81	49	95.7
1.1.3	Kinh tế phát triển	7310105	50	42	18	100
1.1.4	Kinh tế số	7310109	-	-	-	-
1.1.5	Quản lý kinh tế	7310110	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>1150</b>	<b>1348</b>	<b>789</b>	<b>95.2</b>
<b>2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>470</b>	<b>589</b>	<b>252</b>	<b>94.6</b>
2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	300	377	175	95.3
2.1.2	Marketing	7340115	100	178	64	93.5
2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	70	34	13	90.1
2.1.4	Thương mại điện tử	7340122	-	-	-	-
<b>2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>180</b>	<b>164</b>	<b>73</b>	<b>92.4</b>
2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	180	164	73	92.4
2.2.2	Công nghệ tài chính	7340205	-	-	-	-
<b>2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>450</b>	<b>488</b>	<b>440</b>	<b>96</b>
2.3.1	Kế toán	7340301	450	488	440	96.5
<b>2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	<b>50</b>	<b>107</b>	<b>24</b>	<b>86.9</b>
2.4.1	Quản lý công	7340403	50	107	24	86.9
2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>130</b>	<b>92</b>	<b>40</b>	<b>94.3</b>
<b>3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>130</b>	<b>92</b>	<b>40</b>	<b>94.3</b>
3.1.1	Luật kinh tế	7380107	130	92	40	94.3
<b>4</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>4.1</b>	<b>Toán học</b>	<b>74601</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
4.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	-	-	-	-
<b>5</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>60</b>	<b>57</b>	<b>15</b>	<b>93.3</b>
<b>5.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	<b>60</b>	<b>57</b>	<b>15</b>	<b>93.3</b>
5.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	60	57	15	93.3
<b>6</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>80</b>	<b>48</b>	<b>30</b>	<b>92.6</b>
<b>6.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	<b>80</b>	<b>48</b>	<b>30</b>	<b>92.6</b>
6.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	80	48	30	92.6
	<b>Tổng</b>		<b>1600</b>	<b>1721</b>	<b>944</b>	<b>95.2</b>

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2026



**PHỤ LỤC III**  
**CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH NĂM 2026**  
(Kèm theo Công văn số: 767/ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 29/05/2026)

**I. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2025 (người học)**

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>			<b>858</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>			<b>63</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>			<b>63</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>		<b>36</b>
<b>1.1.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>93101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>36</b>
1.1.1.1.1	Quản lý kinh tế	9310110	Kinh tế học	36
<b>1.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>		<b>23</b>
<b>1.1.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>93401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>23</b>
1.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh	23
<b>1.1.3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>		<b>4</b>
<b>1.1.3.1</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>96201</b>	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	<b>4</b>
1.1.3.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	Nông nghiệp	4
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>			<b>795</b>
<b>2.1</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>			<b>795</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>		<b>626</b>
<b>2.1.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>83101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>626</b>
2.1.1.1.1	Kinh tế phát triển	8310105	Kinh tế học	6
2.1.1.1.2	Quản lý kinh tế	8310110	Kinh tế học	620
<b>2.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>		<b>168</b>
<b>2.1.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>83401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>112</b>
2.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh	112
<b>2.1.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>83402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
2.1.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	0
<b>2.1.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>83403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>56</b>
2.1.2.3.1	Kế toán	8340301	Kế toán - Kiểm toán	56
<b>2.1.3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>862</b>		<b>1</b>
<b>2.1.3.1</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>86201</b>	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	<b>1</b>
2.1.3.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	Nông nghiệp	1
<b>2.2</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>			<b>7280</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>			<b>6833</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>			<b>6445</b>
<b>3.1.1</b>	<b>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</b>			
<b>3.1.2</b>	<b>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</b>			<b>6445</b>
<b>3.1.2.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>458</b>
<b>3.1.2.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>458</b>
3.1.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	248
3.1.2.1.1.2	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế học	156
3.1.2.1.1.3	Kinh tế phát triển	7310105	Kinh tế học	54
3.1.2.1.1.4	Kinh tế số	7310109	Kinh tế học	0
3.1.2.1.1.5	Quản lý kinh tế	7310110	Kinh tế học	0
<b>3.1.2.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>4655</b>
<b>3.1.2.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>2157</b>
3.1.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	1057
3.1.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	892
3.1.2.2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	100
3.1.2.2.1.4	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh	108
<b>3.1.2.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>613</b>
3.1.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	613

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.1.2.2.2.2	Công nghệ tài chính	7340205	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	0
<b>3.1.2.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>1265</b>
3.1.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	1265
<b>3.1.2.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>620</b>
3.1.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	61
3.1.2.2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị - Quản lý	559
<b>3.1.2.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>443</b>
<b>3.1.2.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>443</b>
3.1.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	443
<b>3.1.2.4</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>		<b>8</b>
<b>3.1.2.4.1</b>	<b>Toán học</b>	<b>74601</b>	Toán và thống kê	<b>8</b>
3.1.2.4.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán học	8
<b>3.1.2.5</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>552</b>
<b>3.1.2.5.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	Công nghệ kỹ thuật	<b>552</b>
3.1.2.5.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	552
<b>3.1.2.6</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>329</b>
<b>3.1.2.6.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	<b>329</b>
3.1.2.6.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	329
<b>3.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>			<b>60</b>
<b>3.2.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
<b>3.2.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>0</b>
3.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
<b>3.2.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>38</b>
<b>3.2.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>7</b>
3.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	7
3.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
<b>3.2.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>1</b>
3.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	1
<b>3.2.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>30</b>
3.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	30
<b>3.2.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
3.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	0
<b>3.2.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>22</b>
<b>3.2.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>22</b>
3.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	22
<b>3.2.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
<b>3.2.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	Công nghệ kỹ thuật	<b>0</b>
3.2.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
<b>3.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
<b>3.2.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	<b>0</b>
3.2.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	0
<b>3.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>			<b>189</b>
<b>3.3.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
<b>3.3.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>0</b>
3.3.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
<b>3.3.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>163</b>
<b>3.3.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>36</b>
3.3.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	36
3.3.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
<b>3.3.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>5</b>
3.3.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	5
<b>3.3.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>122</b>
3.3.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	122
<b>3.3.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.3.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	0
<b>3.3.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>25</b>
<b>3.3.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>25</b>
3.3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	25
<b>3.3.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
<b>3.3.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	Công nghệ kỹ thuật	<b>0</b>
3.3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
<b>3.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>1</b>
<b>3.3.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	<b>1</b>
3.3.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	1
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>			<b>139</b>
<b>3.4.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
<b>3.4.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>0</b>
3.4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
<b>3.4.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>92</b>
<b>3.4.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>22</b>
3.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	22
3.4.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
<b>3.4.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>10</b>
3.4.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	10
<b>3.4.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>60</b>
3.4.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	60
<b>3.4.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
3.4.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	0
<b>3.4.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>47</b>
<b>3.4.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>47</b>
3.4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	47
<b>3.4.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
<b>3.4.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	Công nghệ kỹ thuật	<b>0</b>
3.4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
<b>3.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
<b>3.4.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	<b>0</b>
3.4.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	0
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>			<b>290</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>			<b>37</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>1</b>
<b>4.1.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>1</b>
4.1.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	1
<b>4.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>12</b>
<b>4.1.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
4.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	0
4.1.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
4.1.2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	0
<b>4.1.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
4.1.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	0
<b>4.1.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>5</b>
4.1.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	5
<b>4.1.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>7</b>
4.1.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	7
4.1.2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị - Quản lý	0
<b>4.1.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>24</b>
<b>4.1.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>24</b>
4.1.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	24

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
4.1.4	Công nghệ kỹ thuật	751		0
4.1.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật	0
4.1.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
4.1.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781		0
4.1.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
4.1.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			75
4.2.1	Khoa học xã hội và hành vi	731		0
4.2.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
4.2.2	Kinh doanh và quản lý	734		16
4.2.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý	0
4.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	0
4.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
4.2.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý	0
STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
4.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	0
4.2.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý	14
4.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	14
4.2.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý	2
4.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	2
4.2.3	Pháp luật	738		59
4.2.3.1	Luật	73801	Pháp luật	59
4.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	59
4.2.4	Công nghệ kỹ thuật	751		0
4.2.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật	0
4.2.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
4.2.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781		0
4.2.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
4.2.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			54
4.3.1	Khoa học xã hội và hành vi	731		0
4.3.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.3.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
4.3.2	Kinh doanh và quản lý	734		29
4.3.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý	0
4.3.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	0
4.3.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
4.3.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý	0
4.3.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	0
4.3.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý	24
4.3.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	24
4.3.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý	5
4.3.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	5
4.3.3	Pháp luật	738		25
4.3.3.1	Luật	73801	Pháp luật	25
4.3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	25
4.3.4	Công nghệ kỹ thuật	751		0
4.3.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật	0
4.3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
4.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781		0
4.3.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
4.3.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>4.4</b>	<b>Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>			<b>124</b>
<b>4.4.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
<b>4.4.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>0</b>
4.4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
<b>4.4.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>16</b>
<b>4.4.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
4.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	0
4.4.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	0
<b>4.4.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
4.4.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	0
<b>4.4.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>16</b>
4.4.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	16
<b>4.4.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>0</b>
4.4.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	0
<b>4.4.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>108</b>
<b>4.4.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>108</b>
4.4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	108
<b>4.4.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
<b>4.4.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	Công nghệ kỹ thuật	<b>0</b>
4.4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	0
<b>4.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
<b>4.4.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	<b>0</b>
4.4.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	0
<b>5</b>	<b>Từ xa</b>			<b>157</b>
<b>5.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
<b>5.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	Khoa học xã hội và hành vi	<b>0</b>
5.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	0
<b>5.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>125</b>
<b>5.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>31</b>
5.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	30
5.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	1
<b>5.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>13</b>
5.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	13
<b>5.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>81</b>
5.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	81
<b>5.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>32</b>
<b>5.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	Pháp luật	<b>32</b>
5.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	32

## 2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2026 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>				<b>417</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>				<b>20</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>				<b>20</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>			<b>12</b>
<b>1.1.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>93101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>12</b>
1.1.1.1.1	Quản lý kinh tế	9310110	Kinh tế học	3	12
<b>1.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>			<b>7</b>
<b>1.1.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>93401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>7</b>
1.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh	3	7
<b>1.1.3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>			<b>1</b>
<b>1.1.3.1</b>	<b>Nông nghiệp</b>	<b>96201</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>		<b>1</b>
1.1.3.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	Nông nghiệp	3	1
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
2	Thạc sĩ				397
2.1	Thạc sĩ chính quy				397
2.1.1	Khoa học xã hội và hành vi	831			313
2.1.1.1	Kinh tế học	83101	Khoa học xã hội và hành vi		313
2.1.1.1.1	Kinh tế phát triển	8310105	Kinh tế học	2	3
2.1.1.1.2	Quản lý kinh tế	8310110	Kinh tế học	2	310
2.1.2	Kinh doanh và quản lý	834			84
2.1.2.1	Kinh doanh	83401	Kinh doanh và quản lý		56
2.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh	2	56
2.1.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	83402	Kinh doanh và quản lý		0
2.1.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	2	0
2.1.2.3	Kế toán - Kiểm toán	83403	Kinh doanh và quản lý		28
2.1.2.3.1	Kế toán	8340301	Kế toán - Kiểm toán	2	28
2.1.3	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	862			0
2.1.3.1	Nông nghiệp	86201	Nông, lâm nghiệp và thủy sản		0
2.1.3.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	Nông nghiệp	2	0
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài				
B	ĐẠI HỌC				1946
3	Đại học chính quy				1789
3.1	Chính quy				1608
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học				
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)				1608
3.1.2.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			114
3.1.2.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		114
3.1.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	4	62
3.1.2.1.1.2	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế học	4	39
3.1.2.1.1.3	Kinh tế phát triển	7310105	Kinh tế học	4	13
3.1.2.1.1.4	Kinh tế số	7310109	Kinh tế học	4	0
3.1.2.1.1.5	Quản lý kinh tế	7310110	Kinh tế học	4	0
3.1.2.2	Kinh doanh và quản lý	734			1162
3.1.2.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		539
3.1.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	4	264
3.1.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	4	223
3.1.2.2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	4	25
3.1.2.2.1.4	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh	4	27
3.1.2.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		153
3.1.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	4	153
3.1.2.2.2.2	Công nghệ tài chính	7340205	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	4	0
3.1.2.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		316
3.1.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	4	316
3.1.2.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		154
3.1.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	4	15
3.1.2.2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị - Quản lý	4	139
3.1.2.3	Pháp luật	738			110
3.1.2.3.1	Luật	73801	Pháp luật		110
3.1.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	4	110
3.1.2.4	Toán và thống kê	746			2
3.1.2.4.1	Toán học	74601	Toán và thống kê		2
3.1.2.4.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán học	4	2
3.1.2.5	Công nghệ kỹ thuật	751			138
3.1.2.5.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		138
3.1.2.5.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	4	138
3.1.2.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			82
3.1.2.6.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		82

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
3.1.2.6.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	4	82
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học				19
3.2.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0
3.2.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0
3.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	3	0
3.2.2	Kinh doanh và quản lý	734			12
3.2.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		2
3.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	3	2
3.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	3	0
3.2.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0
3.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	3	0
3.2.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		10
3.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	3	10
3.2.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0
3.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	3	0
3.2.3	Pháp luật	738			7
3.2.3.1	Luật	73801	Pháp luật		7
3.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	3	7
3.2.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0
3.2.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0
3.2.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	3	0
3.2.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0
3.2.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0
3.2.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	3	0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học				93
3.3.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0
3.3.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0
3.3.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	2	0
3.3.2	Kinh doanh và quản lý	734			81
3.3.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		18
3.3.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	2	18
3.3.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	2	0
3.3.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		2
3.3.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	2	2
3.3.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		61
3.3.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	2	61
3.3.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0
3.3.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	2	0
3.3.3	Pháp luật	738			12
3.3.3.1	Luật	73801	Pháp luật		12
3.3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	2	12
3.3.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0
3.3.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0
3.3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	2	0
3.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0
3.3.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0
3.3.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	2	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên				69
3.4.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0
3.4.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0
3.4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	2	0
3.4.2	Kinh doanh và quản lý	734			46
3.4.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		11

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
3.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	2	11
3.4.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	2	0
<b>3.4.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>5</b>
3.4.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	2	5
<b>3.4.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>30</b>
3.4.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	2	30
<b>3.4.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>
3.4.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	2	0
<b>3.4.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>23</b>
<b>3.4.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>23</b>
3.4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	2	23
<b>3.4.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
<b>3.4.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>
3.4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	2	0
<b>3.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
<b>3.4.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>0</b>
3.4.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	2	0
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>				<b>119</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>				<b>8</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
<b>4.1.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>
4.1.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	4	0
<b>4.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>2</b>
<b>4.1.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>
4.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	4	0
4.1.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	4	0
4.1.2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	4	0
<b>4.1.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>
4.1.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	4	0
<b>4.1.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>1</b>
4.1.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	4	1
<b>4.1.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>1</b>
4.1.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	4	1
4.1.2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị - Quản lý	4	0
<b>4.1.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>6</b>
<b>4.1.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>6</b>
4.1.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	4	6
<b>4.1.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
<b>4.1.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>
4.1.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	4	0
<b>4.1.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
<b>4.1.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>0</b>
4.1.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	4	0
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>				<b>23</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
<b>4.2.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>
4.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	3	0
<b>4.2.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>4</b>
<b>4.2.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>
4.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	3	0
4.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	3	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
4.2.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0
4.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	3	0
4.2.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		4
4.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	3	4
4.2.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0
4.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	3	0
4.2.3	Pháp luật	738			19
4.2.3.1	Luật	73801	Pháp luật		19
4.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	3	19
4.2.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0
4.2.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0
4.2.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	3	0
4.2.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0
4.2.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0
4.2.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	3	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học				26
4.3.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0
4.3.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0
4.3.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	2	0
4.3.2	Kinh doanh và quản lý	734			14
4.3.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0
4.3.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	2	0
4.3.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	2	0
4.3.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0
4.3.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	2	0
4.3.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		12
4.3.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	2	12
4.3.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		2
4.3.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	2	2
4.3.3	Pháp luật	738			12
4.3.3.1	Luật	73801	Pháp luật		12
4.3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	2	12
4.3.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0
4.3.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0
4.3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	2	0
4.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0
4.3.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0
4.3.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	2	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên				62
4.4.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0
4.4.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0
4.4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	2	0
4.4.2	Kinh doanh và quản lý	734			8
4.4.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0
4.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	2	0
4.4.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	2	0
4.4.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0
4.4.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	2	0
4.4.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		8
4.4.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	2	8
4.4.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0
4.4.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý	2	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
4.4.3	Pháp luật	738			54
4.4.3.1	Luật	73801	Pháp luật		54
4.4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	2	54
4.4.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0
4.4.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0
4.4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp	2	0
4.4.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0
4.4.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0
4.4.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch	2	0
5	Từ xa				38
5.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0
5.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0
5.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học	4	0
5.2	Kinh doanh và quản lý	734			30
5.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		7
5.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh	4	7
5.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh	4	0
5.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		3
5.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	4	3
5.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		20
5.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán	4	20
5.3	Pháp luật	738			8
5.3.1	Luật	73801	Pháp luật		8
5.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật	4	8

### 3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực tính đến 31/12/2025

#### 3.1. Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</b>								
<b>1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>43</b>			<b>46</b>	<b>144</b>
1.1	Kinh tế học	93101	0	3	43			46	144
1.1.1	Quản lý kinh tế	9310110	0	3	43			46	144
<b>2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>28</b>			<b>31</b>	<b>99</b>
2.1	Kinh doanh	93401	0	3	28			31	99
2.1.1	Quản trị kinh doanh	9340101	0	3	28			31	99
<b>3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>12</b>			<b>14</b>	<b>46</b>
3.1	Nông nghiệp	96201	0	2	12			14	46
3.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	0	2	12			14	46
	<b>Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ</b>		<b>0</b>	<b>8</b>	<b>83</b>			<b>91</b>	<b>289</b>
<b>II</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ</b>								
<b>1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>48</b>			<b>51</b>	<b>255</b>
1.1	Kinh tế học	83101	0	3	48			51	255
1.1.1	Kinh tế phát triển	8310105	0	1	6			7	35
1.2.1	Quản lý kinh tế	8310110	0	2	42			44	220
<b>2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>50</b>			<b>54</b>	<b>270</b>
2.1	Kinh doanh	83401	0	2	28			30	150
2.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	0	2	28			30	150
2.3	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	83402	0	1	13			14	70
2.3.1	Tài chính - Ngân hàng	8340201	0	1	13			14	70
2.5	Kế toán - Kiểm toán	83403	0	1	9			10	50
2.5.1	Kế toán	8340301	0	1	9			10	50
<b>3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>862</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>			<b>7</b>	<b>35</b>
3.1	Nông nghiệp	86201	0	1	6			7	35

3.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	0	1	6			7	35
	<b>Tổng cộng giảng dạy thạc sĩ</b>		<b>0</b>	<b>8</b>	<b>104</b>			<b>112</b>	<b>560</b>
<b>III</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ DH,CDSP</b>								
<b>1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>31</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>58</b>	<b>49.5</b>
1.1	Kinh tế học	73101	0	4	31	23	0	58	49.5
1.1.1	Kinh tế	7310101	0	1	7	2	0	10	12.5
1.2.1	Kinh tế đầu tư	7310104	0	1	5	1	0	7	7
1.3.1	Kinh tế phát triển	7310105	0	0	5	0	0	5	3.3
1.4.1	Kinh tế số	7310109	0	1	7	9	0	17	13.4
1.5.1	Quản lý kinh tế	7310110	0	1	7	11	0	19	13.3
<b>2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>133</b>	<b>92</b>	<b>0</b>	<b>231</b>	<b>264.65</b>
2.1	Kinh doanh	73401	0	4	54	46	0	104	113.5
2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0	3	20	25	0	48	55.85
2.2.1	Marketing	7340115	0	0	19	21	0	40	43.55
2.3.1	Kinh doanh quốc tế	7340120	0	1	7	0	0	8	5.2
2.4.1	Thương mại điện tử	7340122	0	0	8	0	0	8	8.9
2.6	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	0	1	26	17	0	44	42.85
2.6.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	1	16	10	0	27	29.45
2.7.1	Công nghệ tài chính	7340205	0	0	10	7	0	17	13.4
2.9	Kế toán - Kiểm toán	73403	0	1	29	19	0	49	70.6
2.9.1	Kế toán	7340301	0	1	29	19	0	49	70.6
2.11	Quản trị - Quản lý	73404	0	0	24	10	0	34	37.7
2.11.1	Quản lý công	7340403	0	0	5	0	0	5	2.7
2.12.1	Quản trị nhân lực	7340404	0	0	19	10	0	29	35
<b>3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>8</b>	<b>11</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>24.45</b>
3.1	Luật	73801	0	1	8	11	0	20	24.45
3.1.1	Luật kinh tế	7380107	0	1	8	11	0	20	24.45
<b>4</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>1.3</b>
4.1	Toán học	74601	0	0	6	0	0	6	1.3
4.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	0	0	6	0	0	6	1.3
<b>5</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>16</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>35.75</b>
5.1	Quản lý công nghiệp	75106	0	2	16	10	0	28	35.75
5.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	2	16	10	0	28	35.75
<b>6</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>18.35</b>
6.1	Du lịch	78101	0	1	10	8	0	19	18.35
6.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	1	10	8	0	19	18.35
	<b>Tổng số giảng viên giảng dạy DH, CDSP</b>		<b>0</b>	<b>14</b>	<b>204</b>	<b>144</b>	<b>0</b>	<b>362</b>	<b>394</b>
<b>IV</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ DH</b>								
<b>1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>23</b>
1.1	Kinh tế học	73101	0	2	8	1	0	11	23
1.1.1	Kinh tế	7310101	0	2	8	1	0	11	23
<b>2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>95</b>	<b>85</b>	<b>0</b>	<b>186</b>	<b>293</b>
2.1	Kinh doanh	73401	0	4	45	55	0	104	157
2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	0	4	30	33	0	67	105
2.1.2	Marketing	7340115	0	0	15	22	0	37	52
2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	0	1	16	7	0	24	42
2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	1	16	7	0	24	42
2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	0	1	34	23	0	58	94
2.3.1	Kế toán	7340301	0	1	34	23	0	58	94
<b>3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>66</b>
3.1	Luật	73801	0	0	22	22	0	44	66
3.1.1	Luật kinh tế	7380107	0	0	22	22	0	44	66
	<b>Tổng số giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy ĐTTX trình độ DH</b>		<b>0</b>	<b>8</b>	<b>125</b>	<b>108</b>	<b>0</b>	<b>241</b>	<b>382</b>

3.2. Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người): Không có giảng viên thỉnh giảng

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa:

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ (theo tháng)	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi
0	6	54	8	6	74	888	74.06

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2024

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	62	13503
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	3538
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	17	1404
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	12	941
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	25	2370
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	2	5250
1.7	Công trình huấn luyện, giảng dạy thể thao	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	10243
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	35822
	<b>TỔNG</b>	<b>74</b>	<b>59568</b>

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2026



PGS, TS. Đinh Hồng Linh

PHỤ LỤC IV  
ĐĂNG KÝ SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH NĂM 2026  
(Kèm theo Công văn số: 767/DHKT&QTKD-ĐT ngày 29/05/2026)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	TỔNG CHỈ TIÊU CHÍNH QUY SỐ SÁNH CƠ SỞ VẬT CHẤT (3 + 6)			16230	0	3543
A	SAU ĐẠI HỌC			806	0	497
1	Tiến sĩ			246	0	42
1.1	Tiến sĩ chính quy			246	0	42
1.1.1	Khoa học xã hội và hành vi			120	0	13
1.1.1.1	Kinh tế học			120	0	13
1.1.1.1.1	Quản lý kinh tế			120		13
1.1.2	Kinh doanh và quản lý			83	0	26
1.1.2.1	Kinh doanh			83	0	26
1.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh			83		26
1.1.3	Nông, lâm nghiệp và thủy sản			43	0	3
1.1.3.1	Nông nghiệp			43	0	3
1.1.3.1.1	Kinh tế nông nghiệp			43		3
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài				0	0
2	Thạc sĩ			560	0	455
2.1	Thạc sĩ chính quy			560	0	455
2.1.1	Khoa học xã hội và hành vi			255	0	210
2.1.1.1	Kinh tế học			255	0	210
2.1.1.1.1	Kinh tế phát triển			35		10
2.1.1.1.2	Quản lý kinh tế			220		200
2.1.2	Kinh doanh và quản lý			270	0	240
2.1.2.1	Kinh doanh			150	0	150
2.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh			150		150
2.1.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			70	0	60
2.1.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng			70		60
2.1.2.3	Kế toán - Kiểm toán			50	0	30
2.1.2.3.1	Kế toán			50		30
2.1.3	Nông, lâm nghiệp và thủy sản			35	0	5
2.1.3.1	Nông nghiệp			35	0	5
2.1.3.1.1	Kinh tế nông nghiệp			35		5
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	0	0
B	ĐẠI HỌC			15438	0	5379
3	Đại học chính quy			4621	0	3543
3.1	Chính quy			4621	0	3328
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0	0	0
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			4621	0	3328
3.1.2.1	Khoa học xã hội và hành vi			894	0	398
3.1.2.1.1	Kinh tế học				0	398
3.1.2.1.1.1	Kinh tế				0	118
3.1.2.1.1.2	Kinh tế đầu tư				0	50
3.1.2.1.1.3	Kinh tế phát triển				0	30
3.1.2.1.1.4	Kinh tế số			100	0	100
3.1.2.1.1.5	Quản lý kinh tế			100	0	100
3.1.2.2	Kinh doanh và quản lý			2969	0	2215
3.1.2.2.1	Kinh doanh				0	965
3.1.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh				0	400
3.1.2.2.1.2	Marketing				0	360
3.1.2.2.1.3	Kinh doanh quốc tế				0	65
3.1.2.2.1.4	Thương mại điện tử			142	0	140

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
3.1.2.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0	340
3.1.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm		0	240
3.1.2.2.2.2	Công nghệ tài chính	7340205	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	100	0	100
3.1.2.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		0	500
3.1.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán		0	500
3.1.2.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0	410
3.1.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý		0	20
3.1.2.2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị - Quản lý		0	390
3.1.2.3	Pháp luật	738		226	0	210
3.1.2.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	210
3.1.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật		0	210
3.1.2.4	Toán và thống kê	746		20	0	20
3.1.2.4.1	Toán học	74601	Toán và thống kê		0	20
3.1.2.4.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán học	20	0	20
3.1.2.5	Công nghệ kỹ thuật	751		301	0	286
3.1.2.5.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0	286
3.1.2.5.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp		0	286
3.1.2.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781		211	0	199
3.1.2.6.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	199
3.1.2.6.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch		0	199
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (3.1 VỚI 3.2 + 3.3)</b>			<b>924</b>		<b>215</b>
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học					58
3.2.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0	0
3.2.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0	0
3.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
3.2.2	Kinh doanh và quản lý	734			0	53
3.2.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0	33
3.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			23
3.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			10
3.2.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0	0
3.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
3.2.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		0	20
3.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			20
3.2.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0	0
3.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
3.2.3	Pháp luật	738			0	5
3.2.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	5
3.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			5
3.2.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0	0
3.2.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0	0
3.2.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
3.2.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0	0
3.2.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0
3.2.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học					75
3.3.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0	0
3.3.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0	0
3.3.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
3.3.2	Kinh doanh và quản lý	734			0	70
3.3.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0	50
3.3.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			30
3.3.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			20
3.3.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0	0
3.3.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
3.3.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		0	20

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
3.3.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			20
3.3.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0	0
3.3.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
3.3.3	Pháp luật	738			0	5
3.3.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	5
3.3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			5
3.3.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0	0
3.3.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0	0
3.3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
3.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0	0
3.3.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0
3.3.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên					82
3.4.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0	0
3.4.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0	0
3.4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
3.4.2	Kinh doanh và quản lý	734			0	77
3.4.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0	57
3.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			30
3.4.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			27
3.4.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0	0
3.4.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
3.4.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		0	20
3.4.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			20
3.4.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0	0
3.4.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
3.4.3	Pháp luật	738			0	5
3.4.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	5
3.4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			5
3.4.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0	0
3.4.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0	0
3.4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
3.4.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0	0
3.4.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0
3.4.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			0	0	0
4	Đại học vừa làm vừa học			1386		86
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)   - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi			268		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)   - Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý			891		86
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)   - Lĩnh vực Pháp luật			68		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)   - Lĩnh vực Toán và thống kê			6		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)   - Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật			90		0
*	TỔNG CHỈ TIÊU VLVH SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)   - Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			63		0
4.1	Vừa làm vừa học					10
4.1.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0	0
4.1.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0	0
4.1.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
4.1.2	Kinh doanh và quản lý	734			0	10
4.1.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0	5
4.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			5
4.1.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.1.2.1.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh			0
<b>4.1.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
<b>4.1.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>5</b>
4.1.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			5
<b>4.1.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
4.1.2.4.2	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị - Quản lý			0
<b>4.1.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.1.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			0
<b>4.1.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.1.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
<b>4.1.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.1.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>					<b>20</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.2.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
<b>4.2.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>20</b>
<b>4.2.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.2.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			10
4.2.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			0
<b>4.2.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
<b>4.2.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>10</b>
4.2.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			10
<b>4.2.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
<b>4.2.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.2.3.1</b>	<b>Luật</b>	<b>73801</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			0
<b>4.2.4</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.2.4.1</b>	<b>Quản lý công nghiệp</b>	<b>75106</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
<b>4.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.2.5.1</b>	<b>Du lịch</b>	<b>78101</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
<b>4.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>					<b>36</b>
<b>4.3.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>4.3.1.1</b>	<b>Kinh tế học</b>	<b>73101</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
<b>4.3.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>36</b>
<b>4.3.2.1</b>	<b>Kinh doanh</b>	<b>73401</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>16</b>
4.3.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			16
4.3.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			0
<b>4.3.2.2</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm</b>	<b>73402</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
<b>4.3.2.3</b>	<b>Kế toán - Kiểm toán</b>	<b>73403</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>20</b>
4.3.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			20
<b>4.3.2.4</b>	<b>Quản trị - Quản lý</b>	<b>73404</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
<b>4.3.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>0</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.3.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	0
4.3.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			0
4.3.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0	0
4.3.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0	0
4.3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
4.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0	0
4.3.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0
4.3.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên					20
4.4.1	Khoa học xã hội và hành vi	731			0	0
4.4.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0	0
4.4.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học			0
4.4.2	Kinh doanh và quản lý	734			0	20
4.4.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0	10
4.4.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh			10
4.4.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh			0
4.4.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0	0
4.4.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm			0
4.4.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		0	10
4.4.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán			10
4.4.2.4	Quản trị - Quản lý	73404	Kinh doanh và quản lý		0	0
4.4.2.4.1	Quản lý công	7340403	Quản trị - Quản lý			0
4.4.3	Pháp luật	738			0	0
4.4.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	0
4.4.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật			0
4.4.4	Công nghệ kỹ thuật	751			0	0
4.4.4.1	Quản lý công nghiệp	75106	Công nghệ kỹ thuật		0	0
4.4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Quản lý công nghiệp			0
4.4.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0	0
4.4.5.1	Du lịch	78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0
4.4.5.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch			0
*	TỔNG CHỈ TIÊU TỪ XA SO SÁNH VỚI CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA			14812	0	1750
5	Từ xa			9431	0	1750
5.1	Khoa học xã hội và hành vi	731		575	0	100
5.1.1	Kinh tế học	73101	Khoa học xã hội và hành vi		0	100
5.1.1.1	Kinh tế	7310101	Kinh tế học		0	100
5.2	Kinh doanh và quản lý	734		7230	0	1350
5.2.1	Kinh doanh	73401	Kinh doanh và quản lý		0	650
5.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh		0	400
5.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh		0	250
5.2.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	73402	Kinh doanh và quản lý		0	200
5.2.2.1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm		0	200
5.2.3	Kế toán - Kiểm toán	73403	Kinh doanh và quản lý		0	500
5.2.3.1	Kế toán	7340301	Kế toán - Kiểm toán		0	500
5.3	Pháp luật	738		1626	0	300
5.3.1	Luật	73801	Pháp luật		0	300
5.3.1.1	Luật kinh tế	7380107	Luật		0	300

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2026

